

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2096/QĐ-UBND

TP .Sóc Trăng, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu số 2C,
Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính
phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng
4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định
số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung
về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây
dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch phân khu số 2C,
Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000;*

*Căn cứ Công văn số 1456/UBND-HC ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc đồng ý cho lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch
phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đô thị thành phố Sóc Trăng tại
Tờ trình số 293/TTr-QLĐT ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc phê duyệt điều
chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh
Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000.

2. Vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Vị trí điều chỉnh cục bộ quy hoạch không thay đổi theo đồ án quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 26/9/2018.

3. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

3.1. Nội dung điều chỉnh thứ 1: điều chỉnh đất ở thuộc kênh 8 mét trước đây (đoạn từ Dương Kỳ Hiệp đến Trần Quang Khải) thành đất công viên cây xanh.

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Phần đất quy hoạch trên kênh 8 mét trước đây (đoạn từ Dương Kỳ Hiệp đến Trần Quang Khải) được quy hoạch là đất ở với diện tích 0,9 ha;

- Nay điều chỉnh phần đất được quy hoạch là đất ở nói trên thành đất Công viên cây xanh với diện tích khoảng 0,69 ha. Mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng.

3.2. Nội dung điều chỉnh thứ 2: điều chỉnh đất ở thuộc kênh 8 mét trước đây (đoạn từ Trần Quang Khải đến sông Bồ Thảo) thành đất mặt nước hiện trạng.

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Phần đất trên kênh 8 mét (đoạn từ đường Trần Quang Khải đến sông Bồ Thảo) được quy hoạch là đất ở với diện tích hơn 1,0ha;

- Nay điều chỉnh phần đất trên kênh 8 mét (đoạn từ đường Trần Quang Khải đến sông Bồ Thảo) được quy hoạch là đất ở thành đất mặt nước và bờ kè.

3.3. Nội dung điều chỉnh thứ 3: điều chỉnh quy hoạch Đường vào chùa Phú Túc lộ giới từ 25 mét xuống 14 mét (3 mét - 8 mét - 3 mét), bám theo hiện trạng giải thửa; giữ kênh thủy lợi hiện trạng, mở mới tuyến đường dọc kênh thủy lợi có lộ giới 14 mét (3 mét - 8 mét - 3 mét).

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Đường vào chùa Phú Túc có lộ giới 25 mét (5 mét - 15 mét - 5 mét) chưa bám theo hiện trạng giải thửa, đường quy hoạch lấn vào đất ở dân cư hiện hữu khá nhiều.

- Nay điều chỉnh giữ kênh thủy lợi hiện trạng, mở mới tuyến đường dọc kênh thủy lợi có lộ giới 14 mét (3 mét - 8 mét - 3 mét); điều chỉnh đường quy

hoạch vào chùa Phú Tức lộ giới từ 25 mét thành 14 mét (3 mét - 8 mét - 3 mét), bám theo hiện trạng giải thửa; dải cây xanh mỗi bên bờ kênh 2 mét.

3.4. Nội dung điều chỉnh thứ 4: Cập nhật diện tích đất Ủy ban nhân dân Phường 7 theo hiện trạng thực tế.

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Theo quy hoạch khu đất Ủy ban nhân dân Phường 7, có diện tích 0,42ha, trong đó có một phần đất được quy hoạch vào đất ở hiện hữu của hộ dân.

- Nay điều chỉnh: Cập nhật lại ranh khu đất Ủy ban nhân dân Phường 7 theo hiện trạng, có diện tích là 0,3 ha.

3.5. Nội dung điều chỉnh thứ 5: Điều chỉnh lộ giới đường tuyến tránh Quốc lộ 1 thành 55,0 mét.

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Đường tuyến tránh Quốc lộ 1 có lộ giới 53,0 mét.

- Nay rà soát, điều chỉnh lộ giới đường tuyến tránh Quốc lộ 1 thành 55,0 mét theo Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

3.6. Cập nhật theo hệ tọa độ VN 2000; điều chỉnh các tuyến đường, khu chức năng khác cho phù hợp với hiện trạng giải thửa.

- Cập nhật hướng tuyến của đường Sương Nguyệt Anh, đường Trương Vĩnh Ký và đường Phan Đăng Lưu theo hiện trạng giải thửa.

- Cập nhật, điều chỉnh đoạn đầu nối từ đường Sương Nguyệt Anh dọc hai bên kênh 8 mét ra đường Trương Vĩnh Ký theo hiện trạng giải thửa.

- Cập nhật đường Dương Kỳ Hiệp nối dài (và đường D4) ra tuyến tránh Quốc lộ 1 theo hiện trạng giải thửa.

- Cập nhật đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đoạn cuối) theo hiện trạng giải thửa; cập nhật một số đường quy hoạch khác cho phù hợp hiện trạng.

- Cập nhật đất đường vào Công ty truyền tải điện Miền Nam thuộc đất Công ty truyền tải điện Miền Nam (không phải đất hẻm công cộng).

- Cập nhật hẻm 189, 197 đường Dương Kỳ Hiệp nối dài theo hiện trạng.

- Cập nhật hẻm 962 đường Võ Văn Kiệt (trước đây là đường Quốc lộ 1A) phù hợp với quy hoạch phân khu số 10A, Phường 10, thành phố Sóc Trăng.

- Bổ sung tên các Cầu trên tuyến tránh Quốc lộ 1.

- Cập nhật kênh mương hiện trạng còn chức năng phục vụ nông nghiệp và không phục vụ nông nghiệp.

- Bổ sung phần đất hiện trạng thuộc ranh giới quản lý hành chính thành phố Sóc Trăng.

- Cập nhật các hẻm: đường Sương Nguyệt Anh, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; bổ sung lộ giới hẻm 369 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hiện trạng.

- Cập nhật tên đường Quốc lộ 1A thành tên đường Võ Văn Kiệt, tên đường Phú Túc thành tên đường vào chùa Phú Túc, tên đường Kênh Xáng Bó Thảo (bờ Bắc) thành tên đường Phan Đăng Lưu, tên đường Kênh Xáng Bó Thảo (bờ Nam) thành tên đường Trương Vĩnh Ký.

3.7. Điều chỉnh các nội dung khác

a) Điều chỉnh đất Công viên văn hóa nằm phía Bắc khu vực lập quy hoạch thành đất đơn vị ở:

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Khu đất Công viên văn hóa phía Bắc khu vực lập quy hoạch, ký hiệu CV-VH, diện tích 3,35 ha.

- Nay điều chỉnh đất khu Công viên văn hóa phía Bắc thành đất đơn vị ở, cập nhật lại diện tích cho phù hợp.

b) Điều chỉnh khu đất trường Trung học phổ thông:

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Khu đất trường Trung học phổ thông, ký hiệu THPT, diện tích 3,0 ha.

- Nay rà soát, điều chỉnh quy mô đất trường Trung học phổ thông, ký hiệu THPT, lùi vào khoảng 30 mét so với đường D5 – đường Dương Kỳ Hiệp nối dài; bổ sung quy định diện tích cây xanh tối thiểu chiếm 30% diện tích khu đất.

c) Điều chỉnh chức năng đất Thương mại - dịch vụ hỗn hợp thành đất ở hỗn hợp dọc tuyến tránh Quốc lộ 1:

- Theo quy hoạch phân khu được duyệt: Khu đất Thương mại - dịch vụ hỗn hợp dọc hai bên tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn từ đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến đường Phú Túc, ký hiệu HH - diện tích là 63,92 ha.

- Nay rà soát, điều chỉnh chức năng đất Thương mại - dịch vụ hỗn hợp dọc tuyến tránh Quốc lộ 1 thành đất ở hỗn hợp kết hợp sản xuất kinh doanh (diện tích điều chỉnh 66,72ha). Trong diện tích đất sử dụng hỗn hợp này phải dành ít nhất 30% tổng diện tích (được tính theo từng dự án) để xây dựng các công trình thương mại dịch vụ; phần diện tích còn lại được phép xây dựng các công trình nhà ở hoặc công trình hỗn hợp có yếu tố ở hoặc công trình dân dụng khác.

d) Bổ sung đường nội bộ cấp kênh nội đồng hiện trạng, bổ sung cây xanh cảnh quan được chuyển đổi từ mặt nước hiện trạng.

e) Bổ sung, mở rộng diện tích đất cây xanh dọc bờ kênh 16 mét.

f) Điều chỉnh bổ sung khu đất Quân sự (khu Trường Bản), chuyển đất ở xung quanh thành đất đơn vị ở mật độ thấp.

g) Điều chỉnh bổ sung diện tích đất hành lang lưới điện theo hiện trạng giải thửa; bổ sung quy định đất hành lang lưới điện được xây dựng nhà ở 01 tầng nhưng phải đảm bảo về an toàn lưới điện theo quy định.

h). Điều chỉnh, bổ sung thuyết minh chức năng đất ở thành đất đơn vị ở: là khu chức năng cơ bản của đô thị chủ yếu xây dựng công trình phục vụ nhu cầu ở bao gồm: các nhóm nhà ở; các công trình dịch vụ - công cộng, cây xanh công

cộng phục vụ cho nhu cầu thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư; đường giao thông (đường từ cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở) và bãi đỗ xe cho đơn vị ở. Mật độ xây dựng thực hiện theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

4. Bảng tổng hợp sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ:

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1579/QĐ-UBND		THAY ĐỔI (+)/(-)	SAU ĐIỀU CHỈNH	
			DIỆN TÍCH	TỶ LỆ		DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
			(HA)	(%)		(HA)	(%)
A. ĐẤT DÂN DỤNG							
I	ĐẤT CÔNG CỘNG, TM - DV HỖN HỢP		107,40	21,04			
1	Đất công cộng, TM – Dịch vụ Hỗn hợp		85,26	16,70	+ 2,87	88,13	17,26
1.1	Đất CTCC cấp đơn vị ở		14,25		+0,10	14,35	
	- Các trung tâm CC cấp đơn vị ở	CC	6,66		-0,03	6,63	
	- Khu chợ Hiện trạng		0		+0,13	0,13	
	- Đất CC, DV thuộc nhóm nhà ở		7,59		0	7,59	
1.2	Đất DV hỗn hợp cấp đô thị:		71,01		+2,77	73,78	
	- Đất hỗn hợp - Nhà ở, công trình SX-KD	HH	63,92		+2,80	66,72	
	- Đất hỗn hợp - Nhà ở, KD dịch vụ.	HH2	7,09		-0,03	7,06	
2.	Đất giáo dục		7,70	1,51	+0,05	7,75	1,52
	- Các khu mẫu giáo, tiểu học, THCS	GD	4,70		+0,05	4,75	
	- Khu Trường THPT	THPT	3,00		0	3,00	
II	ĐẤT CÂY XANH, CV VĂN HÓA		14,44	2,83	+0,29	14,73	2,89
II.1	Đất công viên cây xanh đơn vị ở		9,84		+0,55	10,39	
	Đất cây xanh kênh 8 m	CX1,2			+1,19	1,19	
	Đất cây xanh, cảnh quan kênh 16m	CX3,4,5			+1,48	1,48	
	Đất cx chuyển đổi từ san lấp kênh nội đồng				+1,22	1,22	
	Khu cây xanh - công viên Văn hóa	CV-VH	6,09		-3,34	2,75	
	Khu công viên cây xanh	CX	3,75		0	3,75	
II.2	Cây xanh cảnh quan bảo vệ kênh		4,60		-0,26	4,34	

III	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở		292,04	57,21	-20,55	271,49	53,18
1	Đất ĐV ở cải tạo chỉnh trang	CT	59,75		-1,86	57,89	
2	Đất ĐV ở mật độ cao	LK	165,77		-24,81	140,96	
3	Đất ĐV ở mật độ thấp	NV	66,52		+6,12	72,64	
B. CÁC KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG							
I	ĐẤT CƠ QUAN		4,23	0,83	+0,33	4,56	0,89
	- UBND Phường 7	UBP	0,42		-0,12	0,30	
	- Trạm trung chuyển rác	TTR	0,75		0	0,75	
	- Trạm truyền tải điện	TĐ	0,43		0	0,43	
	- Công ty Truyền tải điện Miền Nam	CTĐ	2,63		+0,45	3,08	
II	ĐẤT DU LỊCH		4,66	0,91	-0,01	4,65	0,91
	- Khu du lịch Bình An	DL	4,66		-0,01	4,65	
III	ĐẤT CÔNG NGHIỆP		5,43	1,06	-0,13	5,30	1,04
	- Nhà máy thủy sản Stapimex	TS	5,43		-0,13	5,30	
IV	ĐẤT BẾN BÃI		2,70	0,53	0	2,70	0,53
	- Bến xe khách	BX	2,70		0	2,70	
V	ĐẤT QUÂN SỰ - TRƯỜNG BẮN	QS	0		+3,33	3,33	0,65
C. ĐẤT KHÁC							
I	ĐẤT GIAO THÔNG, HTKT KHÁC		80,72	15,81	+10,31	91,03	17,83
II	ĐẤT HÀNH LANG LƯỚI ĐIỆN		0		+3,93	3,93	0,77
III	MẶT NƯỚC		13,29	2,60	-0,39	12,90	2,53
1	KÊNH BỐ THẢO + KÊNH THỦY LỢI		11,57		+0,21	11,78	
2	KÊNH MƯƠNG - NỘI ĐỒNG		1,72		-0,60	1,12	
TỔNG CỘNG (A+B)			510,47	100		510,47	100

5. Thống kê hệ thống giao thông sau điều chỉnh:

S T T	TÊN ĐƯỜNG	Mặt cát	Chiều dài (m)	Quy cách đường (m)			Lộ giới được duyet (m)	Lộ giới điều chỉnh (m)	Ghi chú	Nội dung điều chỉnh
				Lề	Lòng đường	Lề				
1	TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 1	1-1	2.639	17	9-3-9	17	53	55		Điều chỉnh lộ giới 55m
2	ĐƯỜNG VÕ VĂN KIỆT	1a-1a	3.320	4	26	4	34	34		
3	DƯƠNG KỶ HIỆP	2-2	530	5	14	5	24	24		Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng
4	CẠP KÊNH NƯỚC NGỌT	2*-2*	875	5	14	5	24	24	Bờ kênh 8m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; bổ sung tên đường, mặt cắt
5	NAM KỶ KHỎI NGHĨA	2a-2a	2.325	6	15	6	27	27	Nghiên cứu, mở rộng	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng
6	ĐƯỜNG VÀO CHÙA PHÚ TỨC	3-3	1.666	3	8	3	25	14	Bờ kênh 2m	Điều chỉnh lộ giới
7	PHAN ĐĂNG LƯU	4-4	2.080	5	13	5	23	23	Bờ kênh >4m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng
8	TRƯƠNG VĨNH KÝ	4-4	2.260	5	13	5	23	23	Bờ kênh >4m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng
9	TRẦN QUANG KHẢI	5-5	1.900	5	7-2-7	5	26	26	Nghiên cứu, mở rộng	
10	SƯƠNG NGUYỆT ANH (BÊN TRÁI)	6-6	2.528	3	8	2	13	13	Bờ kênh \geq 2m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m

11	SƯƠNG NGUYỆT ANH (BÊN PHẢI)	6-6	2.674	3	8	2	13	13	Bờ kênh $\geq 2m$	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m
12	D1	7-7	1.765	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
13	D2	7-7	1.650	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
14	D3	7-7	405	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
15	D4	8-8	1.193	4	8	3	15	15	Bờ kênh 2-3m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m
16	D5 (ĐƯỜNG DƯƠNG KỶ HIỆP NỐI DÀI)	8-8	1.177	4	8	3	15	15	Bờ kênh 2-3m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m
17	D6	7-7	1.170	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
18	D7	7-7	255	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
19	D8	9-9	373	3	9	3	15	15	Nghiên cứu, mở rộng	
20	D9	10-10	725	3	8	3	14	14	Quy hoạch	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m
21	D8'', D9''	3-3	1.600	3	8	3	14	14		Bổ sung đường Cặp kênh đường vào chùa Phú Túc
22	N1	7-7	822	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
23	N2	7-7	1.065	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
24	N3	7-7	658	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m

25	N4	7-7	532	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
26	N5	7-7	1.144	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
27	N6	2-2	1.503	5	14	5	24	24	Quy hoạch	
28	N7	7-7	456	3,5	8	3,5	15	15	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
29	N8	6-6	1.429	3	8	2	13	13	Bờ kênh 8m	Điều chỉnh hướng tuyến hiện trạng; Lòng đường 8m
30	N9	7-7	866	3,5	8	3,5	15	15	Nghiên cứu, mở rộng	Điều chỉnh Lòng đường 8m
31	N10	9-9	1.050	3	9	3	15	15	Quy hoạch	
32	N11	10-10	439	3	8	3	14	14	Quy hoạch	Điều chỉnh Lòng đường 8m
33	HẸM 369 NAM KỲ KHỞI NGHĨA	7*-7*	380	6+4	16	6+4	15	36		Bổ sung quy hoạch
34	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ KIẾN	11-11		3	5			8	Cảnh quan 5m	Bổ sung quy hoạch


6. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:

6.1. Thay đổi giao thông sau khi điều chỉnh:

- Điều chỉnh Tuyến tránh Quốc lộ 1 lộ giới 55 mét (theo quy hoạch được duyệt trước đây là 53 mét);
- Điều chỉnh đường vào chùa Phú Túc:
 - + Điều chỉnh đường vào chùa Phú Túc theo hướng giảm bề rộng lộ giới, giữ lại tuyến kênh thủy lợi để thoát nước, đồng thời mở tuyến giao thông song song phía bên kia kênh thủy lợi.
 - + Điều chỉnh, bổ sung lộ giới đường vào chùa Phú Túc, đường D8'', D9'', lộ giới 14 mét, lòng đường 8 mét, vỉa hè mỗi bên 3 mét; cây xanh bờ kênh mỗi bên 2 mét.
- Đường Phan Đăng Lưu, đường Trương Vĩnh Ký, điều chỉnh hướng tuyến; lộ giới 23 mét, lòng đường 13 mét, vỉa hè 2x5 mét; cây xanh bờ kênh >4 mét.
- Điều chỉnh các đường có lộ giới quy hoạch mới từ 13,0 mét trở lên điều chỉnh lòng đường có bề rộng từ 8,0 mét.
- Điều chỉnh đường cặp Kênh nước ngọt (kênh 16 mét) điều chỉnh hướng tuyến, lộ giới 24 mét, lòng đường 14 mét, vỉa hè 2x5 mét, cây xanh bờ kênh 8 mét; điều chỉnh đường N8 (bên kia kênh) lộ giới 13m, lòng đường 8m, vỉa hè 2-3 mét, cây xanh bờ kênh 8 mét.
- Bổ sung lộ giới đường nội bộ dọc các kênh thủy lợi dự kiến san lấp, mỗi bên là 8,0 mét có lòng đường 5,0 mét, vỉa hè 3,0 mét, trục cảnh quan ở giữa 5,0 mét.
- Cập nhật hẻm hiện trạng số 369 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có lộ giới 36 mét.
- Quy định về hẻm giới: đối với hẻm hiện trạng không có khả năng mở rộng là 4m; đối với hẻm hiện trạng có khả năng mở rộng là 6m.
- Đổi tên đường Quốc lộ 1A thành tên đường Võ Văn Kiệt.
- Đổi tên đường Phú Túc thành tên Đường vào chùa Phú Túc.
- Đổi tên đường Kênh Xáng Bó Thảo (bờ Bắc) thành tên đường Phan Đăng Lưu.
- Đổi tên đường Kênh Xáng Bó Thảo (bờ Nam) thành tên đường Trương Vĩnh Ký.

6.2. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như giao thông, thoát nước mưa, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải: Thiết kế cơ bản không thay đổi theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng phê duyệt theo Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 26/9/2018, chỉ thay đổi theo hướng tuyến giao thông cập nhật mới.

Điều 2. Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm cập nhật và thể hiện những nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại Điều 1 vào đồ án Quy hoạch phân khu số 2C, Phường 2&7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2000 và thực hiện công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Quản lý Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 2, phường 7, phường 10, thành phố Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 

Noinhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch; các PCT;
- Lưu: VT, NCTH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KS. CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Hợp